



Nén Nhang Thấp Muộn

Uyên Thao

Sau đúng 12 ngày tới nhìn Văn Phụng lần cuối trong cổ áo quan, tôi nhận được mấy dòng chữ của Văn Quang từ Sài Gòn báo tin Hoàng Thư không còn nữa. Ngồi một hồi trước màn hình nhỏ, tôi đọc lại mấy dòng chữ, rồi mở hộp thư lưu trữ nhìn ngây vào đoạn thư ngắn Văn Quang viết đã lâu nói về cảm giác băng khuâng khi xóa số điện thoại của tôi nơi sở ghi. Không hiểu sao tôi luôn nhìn lại đoạn thư này, nhất

là mấy chữ “*Từ nay sẽ hết còn liên lạc với số điện thoại này.*”

Văn Quang xóa số điện thoại kia vì tôi rời Sài Gòn. Chuyện thật bình thường. Nhưng khoảng trống nhỏ nhoi nơi sở ghi địa chỉ bạn bè của anh lại hiện ra trong trí tôi thành một vùng trời rét mướt giữa cơn mưa mù của mùa đông đất Bắc. Và, tôi luôn thấy từ dòng chữ kia cất lên một hơi thở dài. Rồi, buổi chiều cuối cùng của tôi ở Sài Gòn, chiều Chủ Nhật 12-9-1999, từ từ sống lại.

Lúc 3 giờ chiều, tôi rời bệnh viện 30 tháng 4, sau cuộc kiểm tra sức khỏe lần chót. Trên đường về, tới ngang cư xá Nguyễn Thiện Thuật, tự nhiên tôi ngừng lại. Hồi sáng tôi đã tới gặp Văn Quang, nhưng tôi vẫn theo con hẻm ngoằn ngoèo từ đường Phan Thanh Giản đã đổi tên thành Điện Biên Phủ, qua dãy nhà lô C gần đường Phan Đình Phùng cũng đổi tên là Nguyễn Đình Chiểu, leo mấy bậc thang lem luốc lên căn nhà quen thuộc để ngồi với anh. Câu chuyện giữa chúng tôi xoay quanh các điều vớ vẩn:

– Xong chưa?

– Rồi!

– Tốt!

Văn Quang liệng cho tôi bao thuốc lá. Anh ngồi thu cả hai chân lên ghế, vòng tay ôm hai ống chân như hai cây sậy, thở khói. Tôi hỏi:

– Không bỏ thuốc sao?

Anh cười:

– Cũng như mày, lúc bỏ là bỏ cái rụp, nhưng gặp bạn bè là hút. Nhảm nhò gì!

Nguyễn Thụy Long bất ngờ xuất hiện cắt ngang câu chuyện giữa chúng tôi. Long đưa cho tôi mấy tấm hình chụp ở nhà Nguyễn Mạnh Đan vài ngày trước, rồi nhắc:

– Xuống, tao chờ đi kiểm chỗ nào ngồi.

– Xe gì?

Long trợn mắt:

– Thì vẫn cái Solex đó. Cứ ngồi lên, lúc nào nó lết không nổi thì thả bộ.

Văn Quang xen vào:

– Tụi mày đi đi. Tao lo kiếm cơm.

Tôi đứng dậy, đưa tay bắt tay anh:

– Thôi, tao đi!

Có lẽ đây là lần hiếm hoi hoặc lần đầu chúng tôi bắt tay nhau. Văn Quang nhắc:

– Qua Mỹ cho tao gửi lời thăm tụi nó, tuốt luốt hết!

Tôi bỗng lưu ý tới thân hình còm cõi của anh và thấy cần phải nói thêm: “*Mày ráng bớt du hí đi.*”

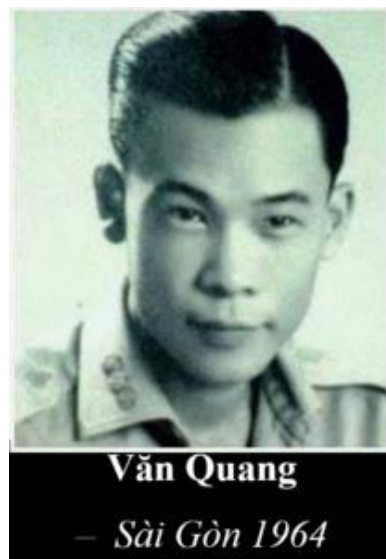
Anh ngúc ngoắc đầu:

– Làm bấn xúc xích, du hí cóc gì nổi.

Trước khi tôi bước ra cửa, anh tiếp:

– Thắng Thanh Thương Hoàng đi, bây giờ mày đi, mai mốt đến lượt cậu Vương Đức Lệ, bạn bè còn thằng nào đâu. Không biết chừng tao cũng đi.

Câu nói vẽ ra trước mắt tôi cảnh Văn Quang suốt ngày loay hoay bên chiếc *computer* trong căn nhà vắng ngắt và đeo riết theo khi tôi cùng Nguyễn Thụy Long xuống đường. Chiếc Solex gần tới tuổi ngũ tuần của Long không kéo nổi hai người nên chúng tôi dắt xe đi bộ. Tới một quán bún bò, chúng tôi ngừng lại. Quán là hai



chiếc bàn gỗ đặt trên con hẻm từ cư xá Nguyễn Thiện Thuật chạy ra đường Phan Thanh Giản. Nguyễn Thụy Long phàn nàn về dự tính chiêu đãi chia tay tôi không thành. Cả tháng trước, Long đã dặn:

– *Muốn gì thì mày cũng phải đi với tao một buổi nếu không đi nổi một ngày. Mình uống cà phê sáng rồi lang thang các góc ngách thành phố chờ trưa về quán Bà Cả Đọi. Tao đãi mày ở đó.*

Tôi hứa với Long sẽ thực hiện vào tuần lễ cuối. Tôi trở thành thứ hứa cuội vì hai tuần lễ cuối không còn thời gian dành cho bạn.

Lúc này chỉ còn vài tiếng đồng hồ trước khi trời tối. Tôi nói với Long:

– *Thay vì ngồi quán Bà Cả Đọi cũng cùng ngồi vỉa hè. Ít nhất vào phút cuối ở Sài Gòn, tao vẫn ngồi với mày.* Tôi không nhớ chúng tôi đã gọi món gì, nhưng kéo dài thời gian ngồi với nhau bằng hai chai nước ngọt. Long rí rả nhắc lại chuyện xảy ra với Phan Nhự Thức. Trong lúc nghe Long kể, tôi nhớ lại khoảng 1989-1990, khi tôi đã được về Cư Xá Thanh Đa sống chung với gia đình thì một hôm Phan Nhự Thức xuất hiện. Thức vốn nhỏ yếu lại xạm hắc đi nên tôi có cảm tưởng anh đứng không vững. Nhưng Thức không bận tâm về mình mà chỉ băn khoăn về cuộc sống của tôi. Nhìn quanh căn nhà trống hoang buồn bã, Thức hỏi:

– *Anh sống bằng cách nào?*

Tôi kéo Thức ngồi xuống ghế, nói cho qua:

– *Tới đâu hay đó. Vợ tôi vẫn còn gánh bún riêu mà.*

Thực ra gánh bún riêu của vợ tôi chưa bao giờ bảo đảm nổi ngày hai bữa cơm cho gia đình. Nhưng chuyện sáng ăn tối nhịn chẳng phải của riêng ai ở Sài Gòn lúc đó nên không đáng đem ra nói. Tôi hỏi Thức về bạn bè cũ và Thức kể về một số người mà Thức còn liên lạc hoặc nghe nhắc tới.

Trước khi đi, Thức trở lại chuyện của tôi:

– *Tôi sẽ liên lạc với anh Nguyễn Liệu để nói về trường hợp của anh. Chắc anh ấy có thể vận động bạn bè đỡ đần anh phần nào.*

Tôi nắm tay Thức, nhắc:

– *Ráng giữ sức khỏe. Thức có về yếu lắm.*

Khi Thức đi rồi, tôi mới sực nhớ đã không hỏi Thức đang ở đâu và sống ra sao. Trong câu chuyện bữa đó, tôi chỉ biết Thức ra tù trước tôi mấy năm, bỏ Quảng Ngãi vào sống tại Sài Gòn. Tôi cũng không rõ do đâu Thức biết tôi đã ra tù và biết địa chỉ của tôi để tìm đến. Những ngày sau đó, Thức không trở lại và tôi cũng không nghĩ đến đi kiếm bạn. Thời gian tiếp tục trôi và tôi đã quen không nghĩ đến ngày tháng. Đối với tôi, ngày nào cũng như ngày nấy. Từ khi rời trại tù, tôi không phân biệt ngày trong tuần với ngày cuối tuần, ngày thường với ngày lễ, kể cả mấy ngày Tết. Khi mở mắt ra, tôi chỉ biết rời nhà để tới đâu và buổi tối trở về thì nhắm tính ngày mai phải tới đâu. Nhiều lúc tôi đã nghĩ hơn mười năm rời trại tù chỉ là một ngày kéo dài với những khoảng tạm dừng là ban đêm.

Một bữa khoảng 1993 hoặc 1994, trong lúc được một người bạn chở vào thành phố, bất ngờ chúng tôi chạy ngang sạp báo của Nguyễn Kinh Châu bên lề đường Bà Huyện Thanh Quan. Tôi đề nghị ghé lại và gặp Đảng Giao đang có mặt cùng mấy người chuẩn bị đi dự đám tang một người bạn là ký giả Xuyên Sơn. Tôi nhờ Đảng Giao chuyển lời xin lỗi giùm về sự vắng mặt của tôi trong đám tang và hỏi thăm về Phan Nhự Thức.

Đảng Giao vẫn với lời nói lớn tiếng cổ hủ:

– *Ô, bây giờ nó bán bún bò bên bờ đường ở khu cư xá Tô Hiến Thành. Ông cứ chạy xuống con đường đâm sang khu Lữ Gia nhìn kỹ là thấy.*

Đảng Giao còn nhắc nên đến vào giờ nào thì chắc chắn gặp Thức. Tôi chỉ nghe biết vậy thôi chứ đâu có thời giờ và điều kiện đi tìm bạn. Rồi tôi nghe nói Phan Nhự Thức không còn nữa. Lúc này Nguyễn Thụy Long kể với tôi:

– *Nó bị ung thư. Không biết đứa nào nói với tao là nó nằm ở bệnh viện Nguyễn Văn Học. Tao chạy đến tìm gặp nó ngay. Ít ngày sau thì nó chết.*

Long kết thúc câu chuyện dài dòng bằng mấy lời đó. Sự mất mát xảy ra quá thường nên chúng tôi luôn dừng dừng khi nhận những tin như thế. Nhưng, tôi không thể xua khỏi đầu một chi tiết trong những ngày cuối đời của Phan Nhự Thức. Điều này tôi đã biết một phần qua Thế Phong và bây giờ lại nghe Nguyễn Thụy Long kể.

Tôi nhớ lại lần gặp Phan Nhự Thức và một nhận xét của tôi khi đó. Tôi thấy anh không có vẻ ưu tư chút nào về bản thân. Thì ra đó là thời gian anh tin chắc mình sắp được xuất ngoại. Anh ra tù đã mấy năm và như nhiều người khác, đã nộp hồ sơ theo diện HO. Với tư cách người của chế độ cũ vừa là sĩ quan vừa là nghị viên Hội Đồng Tỉnh — lại dư điều kiện bị tù 3 năm nên anh chỉ chờ ngày phỏng vấn để chấm dứt mọi thủ tục. Niềm tin của anh trở thành trái bóng xì hơi đột ngột.

Vào ngày phỏng vấn mà anh chờ với tất cả tin tưởng, anh đã đối diện với nụ cười khinh miệt từ người phỏng vấn. Người đó quăng trả anh tờ Giấy Ra Trại và phát biểu:

– *Gần hai ngàn năm nay, tôi chưa thấy tháng Hai nào có ngày 30 cả. Ông mua tờ giấy này ở đâu?*

Lúc đó Phan Nhựt Thức mới phát giác ngày tháng ghi trên Giấy Ra Trại của anh là 30 tháng 2. Anh xác nhận đây là giấy thực, việc ghi lầm ngày chỉ do trình độ hoặc sự ơ thờ của người làm giấy. Hơn nữa, chi tiết này chẳng đáng gì so với thực tế cuộc sống của anh. Dù vậy anh vẫn không lay chuyển nổi ý nghĩ của người phỏng vấn khẳng khái nói anh xài giấy giả.

Cuối cùng, anh bị từ chối. Không được ra đi là điều thất vọng, nhưng nỗi đau của anh là nụ cười miệt thị của người kia. Tôi nghĩ về phút cuối của Thức và thấy khó chịu dù Nguyễn Thụy Long chỉ tả phút cuối đó bằng mấy lời đơn sơ:

– *Ít ngày sau thì nó chết!*

Tiếng “*chết*” đã ném ra, không còn gì cần nói nữa. Tuy nhiên trước đó một giây, trước đó một ngày, trước đó nhiều ngày, Phan Nhựt Thức đã sống với tâm trạng nào, với ý nghĩ nào? Tự nhiên tôi cứ thấy Thức khó dứt nỗi nỗi đau từ lúc rời văn phòng ODP. Khi kể với tôi chuyện này, Thế Phong nói:

– Nó không khiếu nại mà cũng không thêm đi xin xác nhận không phải Giấy Ra Trại giả. Cái thẳng thật lạ!

Lúc đó, tôi không nghĩ về cách giải quyết của Thức nên chỉ nói với Thế Phong:

– Khiếu nại cũng chẳng dễ gì!

Nhưng khi chia tay Nguyễn Thụy Long lên chiếc xích lô để về nhà, tôi lại quay cuồng với thắc mắc về tâm trạng Phan Nhựt Thức sau sự việc kia. Tôi nhớ tới nụ cười chất phác của anh, nhớ lại những ngày trước 1975, anh luôn ngược xuôi với đủ loại việc gọi là “*com nhà vác ngà voi*.” Có lẽ ngoài những câu thơ, Phan Nhựt Thức chẳng còn gì là chuyện riêng cho mình. Lúc nào anh cũng sẵn sàng đón nhận mọi việc khi tin chắc đó là việc thuộc trách nhiệm của người dân và chưa bao giờ hé răng than thở. Phản ứng của anh trước các khó khăn, trở ngại luôn là nụ cười mang dáng dấp một lời xin lỗi vụng về và cũng như một lời tự chê trách sự bất lực của chính mình.

Chàng thi sĩ tận tụy và chân thành gần như ngây thơ đó cảm nghĩ sao trước sự miệt thị thẳng thừng coi anh chỉ là kẻ vị kỷ hèn mọn, gian trá? Trong tường tượng của tôi, chắc chắn Phan Nhựt Thức đã cười khi rời văn phòng ODP. Không phải nụ cười coi rẻ mọi phê phán mà là nụ cười tự trách sự nhẹ dạ cả tin tới mức ngây thơ tệ hại của chính mình. Hơn ai hết, Thức hẳn đã thấy không phải hết thấy mọi người đều nhìn việc ra đi của những kẻ như anh chỉ đơn thuần là lối thoát cuối cùng cho mong mỗi được cống hiến khả năng và thiện chí nhiều hơn. Vào lúc đó hẳn anh cũng đã thấy không phải hết thấy mọi người mà anh tin cậy đều hiểu rõ tâm tư của anh. Trong cảnh sống dồn ép, anh đã không kịp nhận ra các bức tường bất nhân ô nhục luôn sừng sững khắp nơi. Bởi dòng ghi ngày tháng ở Giấy Ra Trại của anh không thể biến tám giấy đó thành giấy giả nếu ngồi trước anh là người biết nhìn vào nỗi đau của đồng loại và còn mang trái tim con người thay vì vạch lá tìm sâu để hạ hê tự đắc.

Hy vọng mà Phan Nhựt Thức ấp ủ bao ngày chính là niềm tin chờ gặp những con người. Hy vọng đó đã biến thành nỗi thất vọng đủ dựng lên trước mắt anh bức chân dung nào nề về cuộc sống.

Anh đã trải nhiều năm tháng bị đày ải do các ghép buộc trơ tráo bất nhân để rồi đối mặt với một ghép buộc bất nhân phũ phàng như nhuốc khác. Anh sống trong tăm tối và tin tưởng sẽ gặp hơi nắng ấm khi đi tới cuối đường hầm.

Nhưng chờ đón anh ở nơi đó chỉ là một dã tâm.

Trực giác thi sĩ có thể đã nói với anh rằng người kia biết rất rõ tờ giấy của anh là giấy thật. Vì không chỉ riêng anh mới có tờ Giấy Ra Trại ghi ngày 30/2 mà có thể đã có không ít tờ của nhiều người còn ghi ngày 31/2 nữa. Dã tâm mà anh gặp có thể do bản sắc cá nhân ham mê chứng tỏ uy quyền hoặc có thể do lẽ thói sinh hoạt máy móc, nhưng dù là gì thì với một thi sĩ luôn theo nhịp đập của con tim sôi sục nhiệt tình vẫn là viên đạn ân huệ cuối cùng. Cuộc sống mà anh hằng tin luôn có con người nhìn nhau bằng ánh mắt con người, có những con tim nghẹn ngào trước nỗi đau của đồng loại đã bị xé nát bởi một dã tâm. Trong tình cảnh này, anh còn hy vọng gì ở tháng ngày trước mặt, dù cuộc sống sẽ đưa anh tới đâu! Một màn đen đã ụp thẳng xuống trùm phủ quanh anh. Cho nên anh đã lạng lạng ra lề đường bày sạp bán bún bò. Anh chọn cái chết giữa khi còn hơi thở, vì cuộc sống đã hiện hình vô nghĩa do vắng bóng con người.

Suốt khoảng đường hơn 10 cây số trở về nhà, tôi không rời nổi ý nghĩ này. Xung quanh tôi, phố xá Sài Gòn đổi mới khá nhiều nên không ít khu phố không còn nét nào gợi nhớ khoảng ngày tháng cũ. Nhưng tôi cứ thấy

chỉ ẩn hiện khắp nơi những bóng ma chập chờn quanh quất. Những bóng ma vẫn hít thở, vẫn nhón nhợ đi lại, vẫn sinh hoạt nói năng nhưng không chỗi bỏ nỗi thân phận dật dờ vô định của mình bên lề cuộc sống. Phan Nhự Thức đã tự nguyện đứng vào đó để cũng trở thành một bóng ma ôm nỗi đau bị tước đoạt bóng dáng cuộc đời hằng nâng niu ấp ủ. Cái chết đến với anh ở bệnh viện Nguyễn Văn Học chẳng là gì so với cái chết đến với tâm tư một thi sĩ từ phút đối diện với đã tâm cuối cùng ở văn phòng ODP nối tiếp các đã tâm đã xuất hiện suốt nhiều năm tháng. Tôi nghĩ đến tâm trạng não nề và cảnh sống vất vưởng của Phan Nhự Thức suốt khoảng tháng ngày anh chờ thở hơi cuối cùng. Có lẽ anh sẽ thảm cảm ơn căn bệnh ung thư bởi nó đã giúp anh sớm chấm dứt thời gian kéo dài nỗi đau mất mát dày vò.

Tôi bỗng nhớ lại câu nói của Nguyễn Thụy Long khi chúng tôi chia tay nhau. Bằng cách nói chưa bao giờ tôi nghe thấy, Nguyễn Thụy Long nhấn mạnh từng lời:

— Tao hứa với mày là sẽ không để những ngày cuối đời thành uổng phí.

Có lẽ Long cũng nghĩ về trường hợp Phan Nhự Thức như tôi đã nghĩ nên mới bật ra câu nói đó. Nhưng, Long sẽ làm gì? Và tôi nữa, tôi sẽ làm gì?

Ánh nắng nhạt của buổi chiều thu Sài Gòn nhắc tôi nhớ lại vạt nắng chiếu nghiêng trên cột đồng hồ Hà Nội vào một ngày 46 năm trước, năm 1953, lúc tôi di chuyển về hướng cầu Long Biên để qua Gia Lâm theo chuyến bay vào Nam. Tôi không nhớ rõ ý nghĩ của mình lúc đó, nhưng chắc chắn hình ảnh cuộc sống trong tâm tư tôi không thể có nét nào màu xám. Có lẽ lúc đó tôi cũng như Phan Nhự Thức mà tôi đã gặp những ngày trước 1975 hay ít nhất cũng như Phan Nhự Thức vào lúc anh đến gặp tôi lần cuối. Phan Nhự Thức không bày tỏ hay hứa hẹn gì, nhưng chỉ qua thắc mắc về cảnh sống của tôi, tôi chắc anh đã có không ít dự tính để ngày tháng của anh không trở thành uổng phí. Cuối cùng anh lại phải nhờ căn bệnh ung thư giải thoát khỏi nỗi đau đang vây hãm. Nhưng theo suy nghĩ của tôi thì chính ngay lần này, Phan Nhự Thức cũng sẽ nhận ra lầm lẫn của mình. Căn bệnh ung thư kia chỉ chấm dứt sự cố mặt của anh chứ không chấm dứt nỗi cơn đau mà anh mang nặng suốt bao năm tháng.

Nụ cười ngây ngô lúng túng đầy vẻ tự trách của Thức lại hiện ra. Có lẽ Thức đã cười như thế vào lúc thở hơi cuối cùng, vì anh còn làm được gì khác hơn thú nhận cảnh bất lực cùng với sự ngây thơ tệ hại của chính anh. Tự nhiên, tôi nhìn suốt chuỗi ngày tháng đã qua của mình từ khi rời Hà Nội và dừng lại với một buổi chiều vẫn khuấy động tâm trí tôi ngót hai chục năm qua. Dường như cũng vào một chiều mùa thu khoảng 1982 hoặc 1983, tôi không nhớ rõ. Thời gian này, tôi đã qua 7, 8 năm trong tù và không còn lưu tâm đến ngày tháng. Tôi chỉ nhớ lúc đó tôi vừa chuyển về khu B trại Z.30A ít lâu. Theo thời biểu trại giam, chúng tôi có khoảng nửa giờ ở ngoài sân, sau bữa ăn chiều. Đó là khoảnh khắc chúng tôi có thể tìm gặp nhau hoặc sống cho riêng mình theo cách nào đó trước khi bị dồn vào phòng giam khóa cửa lại. Gần như tôi đã có thói quen dành trọn thời gian này dạo vòng khu sân rộng với cái đầu trống huếch. Chiều nào tôi cũng đi như thế trong cảm giác không vướng víu gì với cuộc đời. Mọi phiền tạp, thúc ép, nhọc nhằn cứ theo từng bước chân chậm rãi hòa tan vào cát bụi để trả lại tôi sự nhẹ nhàng. Đôi lúc tôi ngừng lại nhìn ngây một đám mây vắt ngang đỉnh núi Chứa Chan như tạm dừng chân để nhắn gửi một điều gì đó với đám người nhưng nhúc nhằng đang nhào đạp nhau ở phía dưới. Tôi không tìm xem đám mây nhắn gửi điều gì nhưng thấy mình thật êm ả trước những đợt mây mềm mại bám hờ trên đỉnh núi.

Một buổi chiều, tôi đang đứng khoanh tay ở góc sân nhìn về phía núi thì một người xuất hiện. Anh gọi tên tôi rồi tự giới thiệu thuộc đội nào. Điều này khiến tôi nổi cáu, dù anh nói rõ chỉ muốn nói chuyện với tôi. Không biết từ bao giờ việc chia tù thành 3 loại “*hàng binh*”, “*phản động*”, “*vượt biên*” đã gây ấn tượng với nhiều người và tôi luôn khó chịu mỗi khi nghe ai tự xưng thuộc loại tù nào, dù chỉ giúp người nghe biết rõ về mình. Anh cỡ tuổi trung niên, vóc người vừa phải với khuôn mặt xạm nắng ừ ừ. Anh kể do làm trong ngành thông tin nên phải đi trình diện cải tạo và trở thành “*tù hàng binh*.” Và anh muốn tôi ngồi với anh một lát, dù tôi là “*tù phản động*.” Tôi cố nén cơn bực để nói với anh là chẳng có gì khác biệt giữa những thằng tù, thích ngồi với nhau thì ngồi, nếu không sợ bị “*bọn chèo*” làm phiền.

Anh gật đầu rồi nói lý do tìm gặp tôi:

— Tôi vừa làm xong một bản nhạc. Mình ra góc sân kia ngồi, tôi muốn hát cho anh nghe.

Giọng anh gần như nài nỉ, nhưng tôi không thể nghe hát vào lúc chưa nuốt trôi cảm giác khó chịu do việc anh nhắc tới các loại tù. Tôi nói:

— Sắp hết giờ rồi.

Anh nhìn tôi như vừa ngạc nhiên vừa chán nản không thoát nổi thành lời. Tôi thoáng ái ngại nhưng chỉ vờ vai anh:

- *Chủ Nhật qua chỗ tôi, mình kiếm cây đinh rồi anh hát cho tôi nghe thì tốt hơn lúc này, sợ nghe chưa hết bài đã phải tập hợp.*

Anh cúi xuống tránh ánh mắt tôi rồi lặng lẽ quay đi. Tôi nhìn theo anh xa dần về phía sân bên kia với dáng đi như sắp đổ xum xuống. Lúc đó, tôi chợt nghĩ nên chạy theo níu anh lại, đề nghị anh hát như anh đã có ý ấy. Tuy nhiên tôi vẫn đứng chôn chân tại chỗ và đầu tôi trống huếch. Rồi tiếng keng vang lên lừa tôi về với các qui định mà tù phải chấp hành.

Lúc nghe tiếng chốt khóa cửa phía ngoài phòng giam, tôi nhớ tay cán bộ giáo dục của trại đã hơn một lần định nghĩa về tiếng “*tù phản động*” mà anh vừa nhắc: “*Tù phản động là các tội phạm có mưu đồ phản quốc.*” Tự nhiên tôi gọi lại các dự tính từ tuổi hai mươi khi tôi rời Hà Nội và chìm vào cơn bão hồi ức về những ngày kế tiếp của mình đến mức không chớp mắt nổi. Một đêm mất ngủ nối tiếp một ngày cuộc đủ cả trăm thước đất dưới cái nắng oi nồng khiến tôi không còn sức đảo quanh sân chiều hôm sau. Tôi ngồi ở góc sân, nghĩ tới anh. Tôi chưa biết tên anh nhưng cứ thấy chập chờn trước mắt dáng đi thảnh thơi của anh chiều hôm trước, khi rời xa tôi bước về cuối sân bên kia. Tôi thầm trách thái độ thờ ơ của mình, tự nhủ sẽ xin lỗi và yêu cầu anh hát ngay khi anh tìm tới. Nhưng tôi chờ tới lúc tiếng keng vang lên vẫn không thấy anh xuất hiện.

Khi đã trở về chỗ của mình trong phòng giam, tôi quyết định đi tìm anh vào sáng Chủ Nhật nên hỏi người bạn nằm bên có biết một người trước thuộc ngành thông tin ở đội trình diện trong dãy nhà phía sau không. Người bạn kể chiều hôm trước có một người ở đội đó tới tìm tôi và đã được người bạn chỉ cho biết tôi đang ở ngoài sân. Rồi người bạn nói tiếp:

- Nếu anh định tìm anh ta thì hết kịp rồi. Anh ta không sống nổi đâu!

Tôi nhìn sững người bạn như bị điện giật thành á khẩu.

Người bạn kể:

- Anh ta kiếm được cây đinh dài và cục đá ở đâu đó, đem vào chỗ nằm mà không ai hay. Đêm qua, anh ta tự đóng cây đinh ngập lút đỉnh đầu.

Người bạn nhăn mặt như chính mình đang chịu cái đau kinh hoàng do cây đinh xuyên lủng xương sọ cắm ngập vào óc, rồi kể tiếp với nét khiếp hãi hằn trên mặt:

- Buổi sáng thấy anh ta cứ nằm hoài không dậy, trực phòng tới lay thì hay anh ta bất tỉnh. Dem lên trạm xá mấy người phải mò tới trưa mới tìm ra cái đinh sát chân tóc. Rút cây đinh rồi máu mới trào ra.

Người bạn thở ra một hơi dài:

- Anh ta được đưa đi bệnh viện Long Khánh hồi chiều, vì nằm tại trạm xá tới lúc đó mà vẫn chưa tắt thở. Nhưng, sống gì nổi!

Lại một hơi thở dài rồi người bạn đổi giọng:

- Không lẽ anh ta không đau chút nào? Cả hai người nằm hai bên đều nói suốt đêm không nghe anh ta kêu la hoặc rên rỉ một tiếng. Mà tại sao lại chọn cái cách khủng khiếp đó? Không biết anh ta phải đập bao nhiêu cái để cây đinh tụt xuống sát da đầu như thế?

Tôi cảm như hén, không phải vì khiếp hãi. Mấy năm trước, một người tù từng đóng cây đinh lút thái dương nên chấm dứt mạng sống theo cách này không còn gây kinh hoàng cho tôi. Tôi không thoát nên lời nổi chỉ vì mơ hồ thấy chính mình là một phần trong cái động lực thúc đẩy anh quyết định đặt cây đinh lên đỉnh đầu.

- Tại sao lại làm thế?

Tôi gay gắt thầm tự hỏi trong lúc nhớ lại thái độ đã có với anh chiều hôm trước. Chúng tôi chưa hề quen nhau nhưng hẳn anh đã hy vọng tìm ở tôi một điều gì đó. Bài hát mà anh sáng tác có thể chỉ là cái cớ để tâm sự với tôi hoặc để nghe những lời tâm sự mà anh đang rất cần. Tôi đã đáp lại hy vọng của anh bằng sự ơ hờ lạnh nhạt. Tôi không biết anh đang trải nỗi đau nào và đang chờ đợi gì, nhưng chắc chắn niềm tin cuộc đời ở trong anh chỉ còn là đóm lửa leo lét. Chiều hôm đó, anh hẳn đã cố gắng lần cuối để giữ đóm lửa kia bằng hy vọng tìm ở tôi một sự tiếp hơi. Hy vọng của anh tan thành mây khói. Anh đi tìm gặp một con người nhưng tôi lại hiện ra như một tảng đá vô hồn. Anh còn ai để chia sẻ tâm tư ngoài cây đinh mà tôi đoán anh giấu sẵn từ lâu!

Những ngày sau không còn ai nhắc đến anh, vì có lệnh cấm xì xầm và cũng vì thói quen dửng dưng của tất cả chúng tôi. Tôi chỉ nghe loáng thoáng vài người nói anh đã chết ở bệnh viện Long Khánh và xác đưa đi đâu không ai biết. Lúc này, ngồi đọc dòng chữ của Văn Quang, tôi lại thấy anh cùng Phan Nhự Thức hiện lên bên mái tóc bạc và nụ cười ngờ ngạc của Hoàng Thư. Lần cuối gặp nhau, Hoàng Thư nhắc tôi:

- Toa sang đó nhớ tìm ngay thẳng Sáng, bạn moa. Bây giờ nó là trùm HO ở Mỹ. Toa chỉ cần nói moa nhấn nó lo cho toa là nó sẽ hết lòng. Nó nể và quý moa lắm.

Tôi đón lời nhắc của Hoàng Thư bằng cái gật đầu tỏ vẻ tin cậy trong lúc cổ dần một nụ cười chắc chắn sẽ như mũi dao xoáy vào giữa trái tim anh. Cảm tưởng luôn đến với tôi mỗi khi gặp Hoàng Thư là anh mềm oặt như cộng bùng nhưng héo nhưng lúc nào cũng cố gồng lên để khỏi hụt hơi. Hơn một lần khi nghe Hoàng Thư kể anh được người này, người nọ mến phục thương yêu, tôi nhìn vào mắt anh và thấy xót xa. Anh lựa từng lời tô điểm màu sắc ấm áp cho cuộc sống trong lúc ánh mắt e dè bất định không ngừng khắc họa một tâm trạng xốn xang.

• Hai giọng ngâm trên chương trình Tao Đàn của Đinh Hùng:
Hoàng Thư chọn cách sống kiểu đà điểu chui đầu vào cát
trong khi Hồ Điệp mắt tích giữa năm 1988
ở khu rừng Cambodia nào đó trên đường vượt biên qua Thái Lan.

Hoàng Thư đã chọn cách hành xử của loài đà điểu rúc đầu vào cát để chui vào thế giới hoang tưởng trong cảnh ngỡ ngác bơ vơ vì bị cát lìa khỏi cả dĩ vãng lẫn tương lai. Nhưng cuộc trốn chạy của anh luôn bị chặn lại từng hồi bởi các phút giây bất chợt nhận ra mình đang tự đối gạt chính mình. Tôi không biết Hoàng Thư đã gặp phút giây đó bao nhiêu lần, nhưng cứ thấy sự loay hoay tự đối gạt của anh ngộp thở không thua cuộc sống bên lề đường của Phan Nhự Thức và người bạn tù đã đặt cây đinh lên đỉnh đầu.

Có lẽ cái chết đúng là sự giải thoát, dù ý muốn của anh và mọi người thân xung quanh ra sao. Trên khung màn hình nhỏ bây giờ hiện lên đôi mắt Hoàng Thư. Đôi mắt mở to nhưng đờ đẫn. Tôi thấy Hoàng Thư nhìn tôi mà như đang nhìn vào khoảng trống. Dường như anh còn muốn nói điều gì, nhưng anh không thể vượt qua khoảng cách giữa chúng tôi.

Tôi lại nhớ đến Phan Nhự Thức, đến người bạn tù đã chọn cây đinh. Chúng tôi sống bên nhau nhiều năm tháng, nhưng hiển nhiên vẫn còn ít nhất một điều gì chưa nói được với nhau. Phải chăng vì thế mà Văn Quang băng khuâng khi xóa số điện thoại của tôi khỏi cuốn sổ ghi và riêng tôi luôn bứt rứt với dòng chữ ngắn ngủi của anh: “*Từ nay sẽ hết còn liên lạc với cái số điện thoại này.*”

Chắc chắn không gì cấm cản nổi chúng tôi nói với nhau suốt những ngày gần gũi. Nhưng nói gì và nói để làm gì khi đã rơi vào nơi nhan nhản những con người chỉ mong cái chết mau tới để thoát cảnh sống như đang chết! Dù vậy, chịu đựng nỗi căm nín kéo dài lại không dễ chút nào. Con người có mặt trong cuộc sống đâu phải chỉ để theo đuổi những mưu cầu vị kỷ, cũng đâu phải để mong cái chết mau tới hoặc để sống như đã chết, dù cái chết vẫn là điều không thể tránh.



Tôi nghĩ đến ước ao chia xẻ tâm tư dường như càng lúc càng trở nên khẩn thiết. Bao nhiêu ngôn từ tốt đẹp đã được đưa ra và cũng bao nhiêu máu đã chảy để tô điểm cho những màu sắc rực rỡ. Nhưng ngay trên quê hương mình, giữa đồng bào mình, bao nhiêu con người đã và đang đổ mắt trông tìm một ý nghĩ cảm thông.

Tôi trở lại thái độ từng có vào buổi chiều ngót hai mươi năm trước và không nén nổi xốn xang khi thấy rõ chính mình vẫn trải những phút giây hóa đá. Bây giờ, tôi không chỉ thấy đôi mắt của Hoàng Thư mà thấy không biết bao nhiêu con mắt vây quanh — con mắt nài nỉ của người bạn tù, con mắt tuyệt vọng của Phan Nhự Thức, con mắt đau đớn của người thiếu

phụ Cuba chìm dưới đáy biển sâu vẫn đang hướng về đứa con thơ dại Elian Gonzalez bỗng bị xô vào cảnh cô cút bơ vơ... Tất cả những con mắt đó đang cố nói một điều gì, đang chờ đợi một điều gì, và giữa những con mắt đó có cả những con mắt của bạn bè và con mắt của chính tôi.